TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2018
V/v: *"Xin ly hôn, nuôi con chung''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Tỵ
2. Ông Nguyễn Văn Đông
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Tuấn – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày **20** tháng **8** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 134/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Xuân L**, sinh: 1983. (Có mặt)
Trú tại: 133D, ấp C, xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Tích E**, sinh: 1984. (Vắng mặt)
Trú tại: ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 19/4/2018, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Xuân L trình bày:

Chị và anh Trần Văn Tích E do mai mối và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam và có 01 con chung tên Trần Quốc T, sinh: 16/3/2015. Từ đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do bất đồng về quan điểm, anh E tính tình nóng nảy nhiều lần bạo hành đánh đập chị nên chị nhiều lần bồng con về nhà cha mẹ ruột sống và anh E có đến năn nỉ chị về và hứa khắc phục nhưng vẫn không sửa đổi. Hiện tại mâu thuẩn giữa chị và anh E đã trầm

trọng nên đã ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh E nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Xin ly hôn anh Trần Văn Tích E.

- *Về con chung*: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Trần Văn Tích E cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

Theo bản khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án anh Trần Văn Tích E trình bày:

Anh thống nhất về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn cũng như con chung như chị L trình bày. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, anh có thể khắc phục được để vợ chồng đoàn tụ, Trong thời gian ly thân anh có nhiều lần đến gặp chị L yêu cầu đoàn tụ nhưng chị L cương quyết ly hôn. Nay chị L cương quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn, về con chung anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng do chị L không có yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét thấy đảm bảo đủ điều kiện và hợp pháp.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân L. Về con chung: Chấp nhận giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Xuân L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Tích E. Do đó, xét đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Xin ly hôn, nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Văn Tích E có nơi cư trú tại xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh E vẫn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh E.

Về Nội dung:

Chị Nguyễn Thị Xuân L và anh Trần Văn Tích E đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị L trình bày từ năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn do bất đồng về quan điểm sống do anh E tính tình nóng nảy nhiều lần bạo hành đánh đập chị nên chị nhiều lần bồng con về nhà cha mẹ ruột sống và anh E có đến năn nỉ chị về và hứa khắc phục nhưng vẫn không sửa đổi nên đến tháng 01/2018 vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai đều không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ.

Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay anh E cũng thừa nhận có mâu thuẩn, anh có đánh đập chị L nhưng anh có thể khắc phục được để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh E nữa nên chị cương quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị L và anh E thừa nhận mâu thuẩn vợ chồng thực tế đã diễn ra từ năm 2016 và cho đến tháng 01/2018 ly thân từ đó cho đến nay không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hòa giải và ấn định một thời gian để anh E và chị L hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng chị L vẫn kiên quyết đòi ly hôn vì cho rằng tình cảm giữa chị và anh E đã không còn. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị, bà Phan Thị Q là mẹ anh E cũng cho rằng từ ngày cưới nhau chị L và anh E sống chung nhà với bà, việc ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai anh chị. Do đó, xét thấy mâu thuẩn vợ chồng giữa chị L và anh E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp.

Về con chung: Theo chị L và anh E trình bày, anh chị có 01 người con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 16/3/2015. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh E cấp dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2018 yêu cầu của chị L được nuôi cháu T thì cháu mới được 03 tuổi 01 tháng 03 ngày cho nên cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ là tốt nhất và anh E cũng đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị L nên giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh E trình bày không có nên không đề cập.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị L có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân L được ly hôn với anh Trần Văn Tích E.

Về con chung: Sau khi ly hôn con chung của chị L và anh E là cháu Trần Quốc T, sinh ngày 16/3/2015 sẽ do chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc khi chị L, anh E có yêu cầu khác, anh E không phải cấp dưỡng do chị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cặp.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Xuân L phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0016459 ngày 20 tháng 4 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam.*
- *TAND tỉnh Bến Tre.*
- *CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã Cẩm Sơn;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí